

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829802] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2205B)
CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 18..
Số bài thi:18..
Số tờ giấy thi: 18

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B		<i>An</i>	9,1	9,0	9,0
2	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	CCQ2205C		<i>Anh</i>	5,0	5,0	5,0
3	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	CCQ2205D		<i>Bao</i>	9,0	9,0	9,0
4	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B		<i>Quoc</i>	5,7	6,0	5,9
5	2121050058	Phạm Tiến	Cường	21/01/2003	CCQ2105B		<i>CG</i>	6,1	6,0	6,0
6	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B		<i>Hung</i>	7,4	7,5	7,5
7	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A		<i>Xuan</i>	6,8	7,0	6,9
8	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B		<i>Trung</i>	8,1	8,0	8,0
9	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B		<i>Hon</i>	8,4	8,5	8,5
10	2122050059	Phan Trọng	Hữu	23/03/2004	CCQ2205B					
11	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A		<i>Khoa</i>	7,6	7,5	7,5
12	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A		<i>Tan</i>	7,6	8,0	7,8
13	2122050030	Khê Như	Thuần	13/09/2004	CCQ2205A		<i>Nhu</i>	6,7	7,0	6,9
14	2122050019	Nguyễn Văn Minh	Thuận	12/03/2004	CCQ2205A		<i>Minh</i>	7,1	7,0	7,0
15	2122050035	Đào Phú Minh	Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A		<i>Phu</i>	7,0	7,0	7,0
16	2122050058	Đặng Minh	Trọng	12/02/2004	CCQ2205B		<i>Minh</i>	7,0	7,0	7,0
17	2122050025	Đặng Minh	Trực	07/01/2004	CCQ2205A		<i>Minh</i>	6,8	7,0	6,9
18	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A		<i>Truong</i>	5,3	5,0	5,1
19	2122050039	Lê Văn	Tường	01/04/2004	CCQ2205B		<i>Van</i>	7,1	7,0	7,0